

Số: 126 /KH-MNVT

Vĩnh Thực, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**NĂM HỌC 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện công văn số 252/UBND-VHXX ngày 25/8/2025 của phòng VHXX về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 219/QĐ-UBND xã Vĩnh Thực ngày 15/10/2025 của UBND xã Vĩnh Thực về việc sáp nhập Trường Mầm non Vĩnh Thực; trường Mầm non Vĩnh Trung thành trường Mầm non Vĩnh Thực.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, trường Mầm non Vĩnh Thực điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

**I. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**1. Bối cảnh bên ngoài**

**1.1. Cơ hội:**

- Nhà trường được cha mẹ học sinh và nhân dân tin tưởng, tín nhiệm; Nhu cầu của CMHS đưa con đến lớp ngày càng tăng.
- Số trẻ ra lớp trong những năm qua luôn đạt kế hoạch phát triển giao.
- Luôn quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện để nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
- Số trẻ ra lớp trong những năm qua luôn đạt kế hoạch phát triển giao và đảm bảo không vượt quá mức quy định theo Điều lệ trường mầm non.
- Đời sống nhân dân trên địa bàn đa số làm nghề nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng hải sản nên đời sống dân cư tương đối ổn định nên rất thuận lợi cho việc cho trẻ đến trường.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương sau khi thực hiện sát nhập chính quyền 2 cấp ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

### **1.2. Thách thức**

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn đạt từ chuẩn trở lên. Đội ngũ giáo viên 100% là người địa phương luôn nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp trồng người tại xã đảo quê hương. Trong chuyên môn, đội ngũ luôn không ngừng học tập, sáng tạo hướng tới mục đích đổi mới trong giảng dạy.

- Tiềm năng kinh tế của địa phương chủ yếu 1 số bộ phận gia đình thu nhập kinh tế không ổn định nên ảnh hưởng đến mức thu nhập người dân dẫn đến phụ huynh đưa trẻ đến trường chưa cao.

- Vẫn còn nhiều gia đình chưa quan tâm đến việc đưa trẻ đến trường độ tuổi trẻ nhà trẻ và 3 tuổi do có gia đình có người trông trẻ, một gia đình có nhiều con trong độ tuổi mầm non.

## **2. Bối cảnh bên trong nhà trường**

### **2.1. Điểm mạnh**

#### **a) Truyền thống nhà trường**

Trong những năm qua, nhà trường luôn được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo các cấp, sự ủng hộ đồng thuận của các ban ngành đoàn thể trên địa bàn và các bậc cha mẹ học sinh trong nhà trường. Trước khi thực hiện sát nhập trường Mầm non Vĩnh Thục tháng 8 năm 2024 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh ra Quyết định công nhận Trường Mầm non Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (*Quyết định 176/QĐ-SGDĐT, ngày 02/8/2024*) và tháng 7 năm 2024 trường được công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia, giai đoạn 2024 (*Quyết định số 93/QĐ-SGDĐT ngày 02/07/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh*); trường Mầm non Vĩnh Trung Tháng 3 năm 2021, nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo Quyết định số 468/QĐ-SGDĐT và Quyết định số 469/QĐ-SGDĐT ngày 22/3/2021). Đây là dấu mốc quan trọng, khẳng định uy tín và chất lượng giáo dục của nhà trường.

Trường Mầm non Vĩnh Thục được xây dựng khang trang, trang thiết bị được trang cấp tương đối đầy đủ, đặc biệt khi thực hiện chủ trương chính quyền 2 cấp

trường Mầm non Vĩnh Thực được thừa hưởng cơ sở vật chất của trường Mầm non Vĩnh Trung ( cũ) cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giảng dạy cơ bản đầy đủ đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ nhà trường luôn nỗ lực thực hiện nhiệm vụ nhà trường đang từng bước ổn định, phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, trường tiếp tục duy trì giữ vững các danh hiệu, phấn đấu và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh và trẻ.

- Trước khi thực hiện sáp nhập tập thể trường mầm non Vĩnh Thực không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích cụ thể: Từ năm học 2015–2016 đến 2022–2023; Năm học 2022-2023, 2023-2024 nhà trường đều đạt danh hiệu “tập thể lao động tiên tiến xuất sắc”. Năm học 2023-2024 nhà trường được Bộ giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

- Trước khi thực hiện sáp nhập trường Mầm non Vĩnh Trung: Từ năm học 2015–2016 đến 2022–2023, nhiều năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; Năm học 2023–2024 đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được UBND tỉnh Quảng Ninh tặng Cờ thi đua; Năm học 2024–2025 tiếp tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”.

Sau khi sáp nhập 2 nhà trường, trường Mầm non Vĩnh Thực Phát huy truyền thống đó tiếp tục không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu giữ vững và nâng tầm thành tích, hướng tới xây dựng ngôi trường thực sự là nơi “mỗi ngày đến trường là một ngày vui” cho trẻ.

#### b) Nguồn lực

Quyết định số Quyết định số 219/QĐ-UBND xã Vĩnh Thực ngày 15/10/2025 của UBND xã Vĩnh Thực về việc sáp nhập Trường Mầm non Vĩnh Thực; trường Mầm non Vĩnh Trung thành trường Mầm non Vĩnh Thực. Trường Mầm non Vĩnh Thực nằm trên địa bàn xã Vĩnh Thực thuộc khu vực hải đảo của tỉnh Quảng Ninh.

Trường có 03 điểm trường:

- + Điểm 1: Điểm trường Trung tâm - Thôn Vĩnh Thực 2 – xã Vĩnh Thực;
- + Điểm 2: Điểm trường Vĩnh Trung - Thôn Vĩnh Trung 2 – xã Vĩnh Thực;
- + Điểm 3: Điểm trường Cửa Đài - Thôn Vĩnh Trung 4 – xã Vĩnh Thực.

Với 03 điểm trường tổng diện tích 3 điểm trường là: 7.494 m<sup>2</sup>. Trong đó :

- Diện tích đất: 9.522.m<sup>2</sup>
- Diện tích xây dựng của nhà trường là 4166m<sup>2</sup>, bình quân đạt 14,27m<sup>2</sup>/trẻ.
- Tổng số phòng học hiện có là 13 phòng/13 nhóm, lớp nhà trường cơ bản đủ các phòng chức năng phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

#### c) Đội ngũ giáo viên nhân viên và cán bộ quản lý

- Toàn trường có 48 CBGVNV (CBQL: 5; GV: 25; NV: 18 (NV biên chế 01: 01 hợp đồng; NV hợp đồng thời vụ: 16, trong đó:

+ Ban Giám hiệu trường có 05 đồng chí có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn trở lên: 02 trình độ Thạc sĩ; 03 Đại học. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 26 người, với trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn 100%. Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao.

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 17 người: 01 Nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 05 bảo vệ, 06 nhân viên nấu ăn, 03 nhân viên vệ sinh; 01 nhân viên chăm sóc cây.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các điểm trường, các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường.

#### d) Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất

+ Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị tương đối đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 13 phòng học được trang bị theo hướng kiên cố, hiện đại, trang bị tương đối đầy đủ các đồ chơi theo Văn bản Hợp nhất số 01/VBHN-BGD&ĐT, ngày 28/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 04 lớp được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng nghệ thuật để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi, trang trí lớp theo chủ đề phải sáng tạo, linh hoạt và thiết thực, hiệu quả theo hướng Lấy trẻ làm trung tâm bằng việc tận dụng tối đa các nguyên vật liệu thiên nhiên và cho trẻ hoạt động hiệu quả qua việc tương tác tối đa của các giác quan để tìm ra tính chất, nội dung bài học.

+ Cây xanh, cây hoa xung quanh khuôn viên trường được phủ kín và chăm sóc thường xuyên tạo không gian thẩm mỹ, xanh sạch đẹp.

## 2.2. Điểm yếu

### a. Đội ngũ

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu so với biên chế giao: 02 giáo viên
- Giáo viên chưa phát huy hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng dạy học tại trường.
- Đa số nhân viên bếp chưa qua trường lớp đào tạo.

### b. Điều kiện cơ sở vật chất

- Theo thông quy định nhà trường còn thiếu 01 phòng học; 01 phòng để đồ dùng học liệu, 01 phòng kho.
- Một số bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời tại điểm trường Trung tâm, Vĩnh Trung đã bị hỏng, do sử dụng đã lâu, xuống cấp.
- Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi đã được cấp phát lâu, trong quá trình sử dụng đã hao mòn, một số thiết bị ở các lớp đã hỏng. Thiết bị đồ chơi thông minh một số đồ chơi không sử dụng được (Bộ rô bốt thông minh, cây máy tính, máy tính).
- Độ cao bao lan điểm trường Cửa Đài thấp (cao 1m), chưa đảm bảo độ cao theo định; một số thiết bị vệ sinh của trẻ đã xuống cấp, hỏng.
- Mái ngói đỏ chống nóng tại khối phòng hiệu bộ bị sập, gây ngấm, đột xuống các phòng chức năng và phòng làm việc.

## **II. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Mục tiêu chung**

- Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.
- Đặc điểm phát triển của trẻ trong nhà trường:
  - + Trẻ phát triển đảm bảo và đầy đủ các lĩnh vực phát triển của từng độ tuổi. Nhà trường kiểm soát chất lượng đầu vào và có cam kết đầu ra với phụ huynh nên chất lượng học sinh luôn đảm bảo theo quy định.
  - + Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu có 359 trẻ với 13 lớp. Trong đó:  
 Nhà trẻ: 03 nhóm, lớp: 66 trẻ  
 Mẫu giáo: 10 lớp  
 Mẫu giáo 3-4 tuổi: 3 lớp với 81 trẻ  
 Mẫu giáo 4-5 tuổi: 3 lớp 106 trẻ  
 Mẫu giáo 5-6: 3 lớp với 106 trẻ
- Đặc điểm văn hoá địa phương:
  - + Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” theo giai đoạn 2021-2025 của chương trình giáo dục mầm non đã giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.
  - + Được sự quan tâm, hỗ trợ, hướng dẫn của các cấp trong thực hiện phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp lấy trẻ làm trung tâm.

+ Là trường Mầm non đóng trên địa bàn xã Vĩnh Thực, tỉnh Quảng Ninh; 03 điểm trường Mầm non Vĩnh Thực được đặt ở vị trí trung tâm các thôn xã Vĩnh Thực nên rất thuận lợi cho việc đi lại học tập của trẻ và đưa đón trẻ của gia đình.

+ Phụ huynh cũng đã có sự quan tâm, chăm lo cho việc học của con em nên đã có nhu cầu gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng lên. Số lượng học sinh tham gia học tập tại trường ngày càng cao.

- Đặc điểm của nhà trường: các nguồn lực của nhà trường (nhân lực, tài lực, vật lực).

+ Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 13/13 phòng học được trang bị theo hướng kiên cố, hiện đại, 13/13 phòng học được trang bị đầy đủ các đồ chơi theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 04 lớp được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng nghệ thuật để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi, trang trí lớp theo chủ đề phải sáng tạo, linh hoạt và thiết thực, hiệu quả theo hướng Lấy trẻ làm trung tâm bằng việc tận dụng tối đa các nguyên vật liệu thiên nhiên và cho trẻ hoạt động hiệu quả qua việc tương tác tối đa của các giác quan để tìm ra tính chất, nội dung bài học.

+ Cây xanh, cây hoa xung quanh khuôn viên trường được phủ kín và chăm sóc thường xuyên tạo không gian thẩm mỹ, xanh sạch đẹp.

### **III. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

#### **1. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục**

##### **a) Chương trình giáo dục nhà trẻ:**

##### ***PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT***

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi
- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

##### ***PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC***

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

##### ***PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ***

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

#### *PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ*

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

#### b) Chương trình giáo dục mẫu giáo:

##### *PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT*

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

##### *PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC*

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

##### *PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ*

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

##### *PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI*

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

### **PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp[36].

## **2. Kế hoạch thực hiện**

### **a) Phân phối thời gian năm học 2025-2026**

| <b>Ngày bắt đầu học kỳ 1</b> | <b>Ngày kết thúc học kỳ 1</b> | <b>Ngày bắt đầu học kỳ 2</b> | <b>Ngày kết thúc học kỳ 2</b> | <b>Kết thúc năm học</b> |
|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 05/09/2025<br>(Thứ Sáu)      | 09/01/2026<br>(Thứ Sáu)       | 12/01/2026<br>(Thứ Hai)      | 22/5/2026<br>(Thứ Sáu)        | 29/5/2026<br>(Thứ Sáu)  |

### **b) Chế độ sinh hoạt**

#### **Trẻ 18 - 24 tháng tuổi**

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

#### **Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18 - 24 tháng tuổi**

| <b>Thời gian</b> | <b>Hoạt động</b> |
|------------------|------------------|
| 50 - 60 phút     | Đón trẻ          |
| 110 - 120 phút   | Chơi - Tập       |
| 50 - 60 phút     | Ăn chính         |
| 140 - 150 phút   | Ngủ              |
| 20 - 30 phút     | Ăn phụ           |
| 50 - 60 phút     | Chơi - Tập       |
| 50 - 60 phút     | Ăn chính         |
| 50 - 60 phút     | Chơi/Trả trẻ     |

#### **Trẻ 24 - 36 tháng tuổi**

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

#### **Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi**

| <b>Thời gian</b> | <b>Hoạt động</b> |
|------------------|------------------|
| 50 - 60 phút     | Đón trẻ          |

|              |              |
|--------------|--------------|
| 110-120 phút | Chơi - Tập   |
| 50 - 60 phút | Ăn chính     |
| 140 -150 hút | Ngủ          |
| 0 - 30 phút  | Ăn phụ       |
| 50 - 60 phút | Chơi - Tập   |
| 50 - 60 phút | Ăn chính     |
| 50 - 60 phút | Chơi/Trả trẻ |

### Mẫu giáo

| Thời gian          | Hoạt động                     |
|--------------------|-------------------------------|
| 80 - 90 phút       | Đón trẻ, chơi, thể dục sáng   |
| 30 - 40 phút       | Học                           |
| 40 - 50 phút       | Chơi, hoạt động ở các góc     |
| 30 - 40 phút       | Chơi ngoài trời               |
| 60 - 70 phút       | Ăn bữa chính                  |
| 140 - 150 phút[38] | Ngủ                           |
| 20 - 30 phút       | Ăn bữa phụ                    |
| 70 - 80 phút       | Chơi, hoạt động theo ý thích  |
| 60 - 70 phút       | Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ |

## 3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

### 3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

#### a. Nhà trẻ

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ

*(Có phụ lục kèm theo)*

#### b. Mẫu giáo:

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày tại trường một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

*(Có phụ lục kèm theo)*

### 3.2. GIÁO DỤC

#### (1) NHÓM TRẺ (18-24 THÁNG)

#### DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

| STT | Dự kiến chủ đề lớn | Số tuần | Dự kiến thời gian       | Các sự kiện   |
|-----|--------------------|---------|-------------------------|---------------|
| 01  | Bé vui đến trường  | 4       | 08/09/2025 - 12/09/2025 | Tết trung thu |
|     |                    |         | 15/09/2025 - 19/09/2025 |               |

|    |                                          |   |                         |                                                          |
|----|------------------------------------------|---|-------------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                                          |   | 22/09/2025 - 26/9/2025  |                                                          |
|    |                                          |   | 29/09/2025 - 03/10/2025 |                                                          |
| 02 | Đồ chơi của bé                           | 4 | 06/10/2025 - 10/10/2025 | Ngày liên hiệp<br>PN Việt Nam<br>20/10                   |
|    |                                          |   | 13/10/2025 - 17/10/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 20/10/2025 - 24/10/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 27/10/2025 - 31/10/2025 |                                                          |
| 03 | Bé với các cô bác<br>trong nhà trẻ       | 4 | 03/11/2025 - 07/11/2025 | Ngày nhà giáo<br>Việt Nam 20/11                          |
|    |                                          |   | 10/11/2025 - 14/11/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 17/11/2025 - 21/11/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 24/11/2025 - 28/11/2025 |                                                          |
| 04 | Bé và những người<br>thân yêu            | 4 | 01/12/2025 - 05/12/2025 | Ngày thành lập<br>quân đội nhân<br>dân Việt Nam<br>22/12 |
|    |                                          |   | 08/12/2025 - 12/12/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 15/12/2025 - 19/12/2025 |                                                          |
|    |                                          |   | 22/12/2025 - 26/12/2025 |                                                          |
| 05 | Những con vật<br>đáng yêu                | 4 | 29/12/2025 - 02/01/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 05/01/2026 - 09/01/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 12/01/2026 - 16/01/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 19/01/2026 - 23/01/2026 |                                                          |
| 6  | Tết và mùa xuân                          | 3 | 26/01/2026 - 30/01/2026 | Tết nguyên đán                                           |
|    |                                          |   | 02/02/2026 - 06/02/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 09/02/2026 - 13/02/2026 |                                                          |
| 7  | Bé yêu một số loài<br>hoa, rau, củ, quả  | 4 | 02/03/2026 - 06/03/2026 | Ngày Quốc tế<br>phụ nữ 8/3                               |
|    |                                          |   | 09/03/2026 - 13/03/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 16/03/2026 - 20/03/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 23/03/2026 - 27/03/2026 |                                                          |
| 8  | Bé đi khắp nơi<br>bằng phương tiện<br>gì | 4 | 30/03/2026 - 03/04/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 06/04/2026 - 10/04/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 13/04/2026 - 17/04/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 20/04/2026 - 24/04/2026 |                                                          |
| 9  | Bé lên mẫu giáo                          | 4 | 27/04/2026 - 01/05/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 04/05/2026 - 08/05/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 11/05/2026 - 15/05/2026 |                                                          |
|    |                                          |   | 18/05/2026 - 22/05/2026 |                                                          |

**Kế hoạch giáo dục 18-14 tháng tuổi năm học 2025-2026 (Có phụ lục kèm theo)**

**(2) NHÓM TRẺ (24-36 THÁNG)**

**Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện**

| STT | Dự kiến chủ đề lớn                | Số tuần | Dự kiến thời gian     | Các sự kiện                                              |
|-----|-----------------------------------|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------|
| 01  | Bé vui đến trường                 | 4       | 08/09/2025-12/09/2025 | Tết trung thu                                            |
|     |                                   |         | 15/09/2025-19/09/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 22/09/2025-26/09/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 29/09/2025-03/10/2025 |                                                          |
| 02  | Đồ chơi của bé                    | 4       | 06/10/2025-10/10/2025 | Ngày liên hiệp<br>PN Việt Nam<br>20/10                   |
|     |                                   |         | 13/10/2025-17/10/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 20/10/2025-24/10/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 27/10/2025-31/10/2025 |                                                          |
| 03  | Bé với các cô bác trong nhà trẻ   | 4       | 03/11/2025-07/11/2025 | Ngày nhà giáo<br>Việt Nam 20/11                          |
|     |                                   |         | 10/11/2025-14/11/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 17/11/2025-21/11/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 24/11/2025-28/11/2025 |                                                          |
| 04  | Bé và những người thân yêu        | 4       | 01/12/2025-05/12/2025 | Ngày thành lập<br>quân đội nhân<br>dân Việt Nam<br>22/12 |
|     |                                   |         | 08/12/2025-12/12/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 15/12/2025-19/12/2025 |                                                          |
|     |                                   |         | 22/12/2025-26/12/2025 |                                                          |
| 05  | Bé yêu hoa                        | 2       | 29/12/2025-02/01/2026 |                                                          |
|     |                                   |         | 05/01/2026-9/01/2026  |                                                          |
| 06  | Những con vật đáng yêu            | 3       | 12/01/2026-16/01/2026 |                                                          |
|     |                                   |         | 19/01/2026-23/01/2026 |                                                          |
|     |                                   |         | 26/01/2026-30/01/2026 |                                                          |
| 7   | Tết và mùa xuân                   | 2       | 02/02/2026-6/02/2026  | Tết nguyên đán                                           |
|     |                                   |         | 9/02/2026-13/02/2026  |                                                          |
| 8   | Một số loại rau, củ, quả quanh bé | 4       | 02/03/2026-6/03/2026  | Ngày Quốc tế<br>phụ nữ 8/3                               |
|     |                                   |         | 9/03/2026-13/03/2026  |                                                          |
|     |                                   |         | 16/03/2026-20/03/2026 |                                                          |

|    |                                        |   |                       |  |
|----|----------------------------------------|---|-----------------------|--|
|    |                                        |   | 23/03/2026-27/03/2026 |  |
| 9  | Bé với các loại phương tiện giao thông | 4 | 30/03/2026-03/04/2026 |  |
|    |                                        |   | 06/04/2026-10/04/2026 |  |
|    |                                        |   | 13/04/2026-17/04/2026 |  |
|    |                                        |   | 20/04/2026-24/04/2026 |  |
| 10 | Bé lên mẫu giáo                        | 3 | 04/05/2026-8/05/2026  |  |
|    |                                        |   | 11/05/2026-15/05/2026 |  |
|    |                                        |   | 18/05/2026-22/05/2026 |  |

**Kế hoạch giáo dục 24-36 tháng tuổi năm học 2025-2026 (Có phụ lục kèm theo)**

**(3) Mẫu giáo 3-4 tuổi**

**Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện**

| STT | Dự kiến chủ đề lớn      | Số tuần | Dự kiến thời gian     | Các sự kiện                                     |
|-----|-------------------------|---------|-----------------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Trường mầm non thân yêu | 4       | 08/09/2025-12/09/2025 | Tết trung thu                                   |
|     |                         |         | 15/09/2025-19/09/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 22/09/2025-26/09/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 29/09/2025-03/10/2025 |                                                 |
| 2   | Bé tìm hiểu bản thân    | 4       | 06/10/2025-10/10/2025 | Ngày liên hiệp PN Việt Nam                      |
|     |                         |         | 13/10/2025-17/10/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 20/10/2025-24/10/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 27/10/2025-31/10/2025 |                                                 |
| 3   | Gia đình của bé         | 4       | 03/11/2025-07/11/2025 | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11                    |
|     |                         |         | 10/11/2025-14/11/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 17/11/2025-21/11/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 24/11/2025-28/11/2025 |                                                 |
| 4   | Nghề nghiệp             | 4       | 01/12/2025-05/12/2025 | Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 |
|     |                         |         | 08/12/2025-12/12/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 15/12/2025-19/12/2025 |                                                 |
|     |                         |         | 22/12/2025-26/12/2025 |                                                 |
| 5   | Giao thông              | 3       | 29/12/2025-02/01/2026 |                                                 |

|    |                               |   |                       |                         |
|----|-------------------------------|---|-----------------------|-------------------------|
|    |                               |   | 05/01/2026-9/01/2026  |                         |
|    |                               |   | 12/01/2026-16/01/2026 |                         |
| 6  | Thực vật                      | 4 | 19/01/2026-23/01/2026 | Tế nguyên đán           |
|    |                               |   | 26/01/2026-30/01/2026 |                         |
|    |                               |   | 02/02/2026-6/02/2026  |                         |
|    |                               |   | 9/02/2026-13/02/2026  |                         |
| 7  | Mùa xuân của bé               | 2 | 02/03/2026-6/03/2026  | Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 |
|    |                               |   | 9/03/2026-13/03/2026  |                         |
| 8  | Động vật                      | 4 | 16/03/2026-20/03/2026 |                         |
|    |                               |   | 23/03/2026-27/03/2026 |                         |
|    |                               |   | 30/03/2026-03/04/2026 |                         |
|    |                               |   | 06/04/2026-10/04/2026 |                         |
| 9  | Nước và hiện tượng tự nhiên   | 3 | 13/04/2026-17/04/2026 |                         |
|    |                               |   | 20/04/2026-24/04/2026 |                         |
|    |                               |   | 27/04/2026-01/05/2026 |                         |
| 10 | Quê hương – đất nước – Bác Hồ | 3 | 04/05/2026-8/05/2026  | Tết thiếu nhi 1/6       |
|    |                               |   | 11/05/2026-15/05/2026 |                         |
|    |                               |   | 18/05/2026-22/05/2026 |                         |

**Kế hoạch giáo dục 3-4 tuổi năm học 2025-2026 (Có phụ lục kèm theo)**

**(4) Mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi**

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

| STT | Dự kiến chủ đề lớn      | Số tuần | Dự kiến thời gian     | Các sự kiện            |
|-----|-------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| 01  | Trường mầm non thân yêu | 4       | 08/09/2025-12/09/2025 | Tết trung thu          |
|     |                         |         | 15/09/2025-19/09/2025 |                        |
|     |                         |         | 22/09/2025-26/09/2025 |                        |
|     |                         |         | 29/09/2025-03/10/2025 |                        |
| 02  | Bé tìm hiểu bản thân    | 4       | 06/10/2025-10/10/2025 | Ngày liên hiệp PN Việt |
|     |                         |         | 13/10/2025-17/10/2025 |                        |

|    |                                |   |                       |                                                          |
|----|--------------------------------|---|-----------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                                |   | 20/10/2025-24/10/2025 | Nam                                                      |
|    |                                |   | 27/10/2025-31/10/2025 |                                                          |
| 03 | Gia đình của bé                | 4 | 03/11/2025-07/11/2025 | Ngày nhà giáo<br>Việt Nam<br>20/11                       |
|    |                                |   | 10/11/2025-14/11/2025 |                                                          |
|    |                                |   | 17/11/2025-21/11/2025 |                                                          |
|    |                                |   | 24/11/2025-28/11/2025 |                                                          |
| 04 | Nghề nghiệp                    | 4 | 01/12/2025-05/12/2025 | Ngày thành<br>lập quân đội<br>nhân dân Việt<br>Nam 22/12 |
|    |                                |   | 08/12/2025-12/12/2025 |                                                          |
|    |                                |   | 15/12/2025-19/12/2025 |                                                          |
|    |                                |   | 22/12/2025-26/12/2025 |                                                          |
| 05 | Giao thông                     | 3 | 29/12/2025-02/01/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 05/01/2026-9/01/2026  |                                                          |
|    |                                |   | 12/01/2026-16/01/2026 |                                                          |
| 6  | Thực vật                       | 3 | 19/01/2026-23/01/2026 | Tế nguyên<br>đán                                         |
|    |                                |   | 26/01/2026-30/01/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 02/02/2026-6/02/2026  |                                                          |
| 7  | Mùa xuân của bé                | 2 | 9/02/2026-13/02/2026  | Ngày Quốc tế<br>phụ nữ 8/3                               |
|    |                                |   | 9/03/2026-13/03/2026  |                                                          |
| 8  | Động vật                       | 4 | 16/03/2026-20/03/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 23/03/2026-27/03/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 30/03/2026-03/04/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 06/04/2026-10/04/2026 |                                                          |
| 9  | Nước và hiện tượng<br>tự nhiên | 3 | 13/04/2026-17/04/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 20/04/2026-24/04/2026 |                                                          |
|    |                                |   | 27/04/2026-01/05/2026 |                                                          |
| 10 | Quê hương – đất                |   | 04/05/2026-8/05/2026  |                                                          |

|  |               |   |                       |                      |
|--|---------------|---|-----------------------|----------------------|
|  | nước – Bắc Hồ | 3 | 11/05/2026-15/05/2026 | Tết thiếu nhi<br>1/6 |
|  |               |   | 18/05/2026-22/05/2026 |                      |

**Kế hoạch giáo dục 4-5 tuổi năm học 2025-2026 (Có phụ lục kèm theo)**

**(5) Mẫu giáo 5-6 tuổi (lớp độc lập)**

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

| STT | Dự kiến chủ đề lớn      | Số tuần | Dự kiến thời gian     | Các sự kiện                                              |
|-----|-------------------------|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------|
| 01  | Trường mầm non thân yêu | 4       | 08/09/2025-12/09/2025 | Tết trung thu                                            |
|     |                         |         | 15/09/2025-19/09/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 22/09/2025-26/09/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 29/09/2025-03/10/2025 |                                                          |
| 02  | Bé tìm hiểu bản thân    | 4       | 06/10/2025-10/10/2025 | Ngày liên hiệp<br>PN Việt Nam                            |
|     |                         |         | 13/10/2025-17/10/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 20/10/2025-24/10/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 27/10/2025-31/10/2025 |                                                          |
| 03  | Gia đình của bé         | 4       | 03/11/2025-07/11/2025 | Ngày nhà giáo<br>Việt Nam 20/11                          |
|     |                         |         | 10/11/2025-14/11/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 17/11/2025-21/11/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 24/11/2025-28/11/2025 |                                                          |
| 04  | Nghề nghiệp             | 4       | 01/12/2025-05/12/2025 | Ngày thành lập<br>quân đội nhân<br>dân Việt Nam<br>22/12 |
|     |                         |         | 08/12/2025-12/12/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 15/12/2025-19/12/2025 |                                                          |
|     |                         |         | 22/12/2025-26/12/2025 |                                                          |
| 05  | Giao thông              | 3       | 29/12/2025-02/01/2026 |                                                          |
|     |                         |         | 05/01/2026-9/01/2026  |                                                          |
|     |                         |         | 12/01/2026-16/01/2026 |                                                          |
| 6   | Thực vật                | 4       | 19/01/2026-23/01/2026 | Tế nguyên đán                                            |
|     |                         |         | 26/01/2026-30/01/2026 |                                                          |
|     |                         |         | 02/02/2026-6/02/2026  |                                                          |
|     |                         |         | 9/02/2026-13/02/2026  |                                                          |

|    |                                               |   |                       |                         |
|----|-----------------------------------------------|---|-----------------------|-------------------------|
| 7  | Mùa xuân của bé                               | 2 | 02/03/2026-6/03/2026  | Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 |
|    |                                               |   | 9/03/2026-13/03/2026  |                         |
| 8  | Động vật                                      | 4 | 16/03/2026-20/03/2026 |                         |
|    |                                               |   | 23/03/2026-27/03/2026 |                         |
|    |                                               |   | 30/03/2026-03/04/2026 |                         |
|    |                                               |   | 06/04/2026-10/04/2026 |                         |
| 9  | Nước và hiện tượng tự nhiên                   | 2 | 13/04/2026-17/04/2026 |                         |
|    |                                               |   | 20/04/2026-24/04/2026 |                         |
| 10 | Quê hương – đất nước – Bác Hồ-trường tiểu học | 4 | 27/04/2026-01/05/2026 | Tết thiếu nhi 1/6       |
|    |                                               |   | 04/05/2026-8/05/2026  |                         |
|    |                                               |   | 11/05/2026-15/05/2026 |                         |
|    |                                               |   | 18/05/2026-22/05/2026 |                         |

**Kế hoạch giáo dục 5-6 tuổi ( Lớp độc lập) năm học 2025-2026 ( Có phụ lục kèm theo)**

**(6) Mẫu giáo 5 - 6 (lớp ghép các độ tuổi 3, 4, 5 tuổi)**

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

| STT | Dự kiến chủ đề lớn | Số tuần | Dự kiến thời gian       | Các sự kiện                  |
|-----|--------------------|---------|-------------------------|------------------------------|
| 01  | Trường mầm non     | 4       | 05/09/2024 - 13/09/2024 | Tết trung thu                |
|     |                    |         | 16/09/2024 - 20/09/2024 |                              |
|     |                    |         | 23/09/2024 - 27/9/2024  |                              |
|     |                    |         | 30/09/2024 - 03/10/2024 |                              |
| 02  | Bản thân           | 4       | 07/10/2024 - 11/10/2024 | Ngày liên hiệp PN Việt Nam   |
|     |                    |         | 14/10/2024 - 18/10/2024 |                              |
|     |                    |         | 21/10/2024 - 25/10/2024 |                              |
|     |                    |         | 28/10/2024 - 01/11/2024 |                              |
| 03  | Gia đình           | 4       | 04/11/2024 - 08/11/2024 | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 |
|     |                    |         | 11/11/2024 - 15/11/2024 |                              |
|     |                    |         | 18/11/2024 - 22/11/2024 |                              |
|     |                    |         | 25/11/2024 - 29/11/2024 |                              |
| 04  | Những nghề bé biết | 4       | 02/12/2024 - 06/12/2024 |                              |
|     |                    |         | 09/12/2024 - 13/12/2024 |                              |
|     |                    |         | 16/12/2024 - 20/12/2024 |                              |

|    |                                                        |   |                         |                                                 |
|----|--------------------------------------------------------|---|-------------------------|-------------------------------------------------|
|    |                                                        |   | 23/12/2024 - 27/12/2024 |                                                 |
| 05 | Bé với thế giới động vật                               | 4 | 30/12/2024 - 03/01/2025 | Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 |
|    |                                                        |   | 06/01/2025 - 10/01/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 13/01/2025 - 17/01/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 20/01/2025 - 24/01/2025 |                                                 |
| 6  | Ngày tết và mùa xuân                                   | 2 | 10/02/2025 - 14/02/2025 | Tết nguyên đán                                  |
|    |                                                        |   | 17/02/2025 - 21/02/2025 |                                                 |
| 7  | Bé với thế giới thực vật                               | 4 | 24/02/2025 - 28/02/2025 | Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3                         |
|    |                                                        |   | 03/03/2025 - 07/3/2025  |                                                 |
|    |                                                        |   | 10/03/2025 - 14/03/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 17/03/2025 - 21/03/2025 |                                                 |
| 8  | Giao thông                                             | 3 | 24/03/2025 - 28/03/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 31/03/2024 - 04/04/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 07/04/2025 - 11/04/2025 |                                                 |
| 9  | Nước và hiện tượng tự nhiên                            | 2 | 14/04/2025 -18/04/2025  |                                                 |
|    |                                                        |   | 21/04/2025 - 25/04/2025 |                                                 |
| 10 | Bé yêu quê hương – đất nước – Bác Hồ - Trường tiểu học | 4 | 28/04/2025 - 02/05/2025 | Tết thiếu nhi 1/6                               |
|    |                                                        |   | 05/05/2025 - 09/05/2025 |                                                 |
|    |                                                        |   | 12/05/2025 -16/05/2025  |                                                 |
|    |                                                        |   | 19/05/2025 - 23/05/2025 |                                                 |

**Kế hoạch giáo dục mẫu giáo 5-6 tuổi (lớp ghép 3, 4, 5 tuổi) năm học 2025 – 2026 (Có phụ lục kèm theo)**

#### **IV. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC**

##### **1. Các hoạt động giáo dục**

##### **a. Nhà trẻ**

##### **(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

##### **(2). Hoạt động với đồ vật**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

##### **(3). Hoạt động chơi**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

**b. Mẫu giáo**

(1). Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2). Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3). Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

**2. Hình thức tổ chức**

**a. Nhà trẻ**

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

### ***b. Mẫu giáo***

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

## ***3. Phương pháp giáo dục***

### ***a. Nhà trẻ***

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

*a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

*b) Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

### *c) Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

#### (4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

#### (5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

### ***b. Mẫu giáo***

#### (1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

#### (2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ

và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

### (3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

### (4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

### 5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

## **4. Tổ chức môi trường giáo dục**

### **a. Nhà trẻ**

## **4.4. Tổ chức môi trường giáo dục**

### **a. Nhà trẻ**

#### (1). Môi trường vật chất

##### *a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp*

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời*

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

*(2). Môi trường xã hội*

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời*

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

*(2). Môi trường xã hội*

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

**b. Mẫu giáo**

*(1). Môi trường vật chất*

*a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

*(2). Môi trường xã hội*

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

## **5. Đánh giá sự phát triển của trẻ**

### ***a. Nhà trẻ***

#### **ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

##### **(1). Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

##### **(2). Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

##### **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

#### **ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

##### **(1). Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

##### **(2). Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

##### **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

##### **(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

### ***b. Mẫu giáo***

#### **ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

##### **(1) Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

##### **(2) Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

##### **(3) Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

#### **ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

##### **(1). Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

##### **(2). Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

##### **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

##### **(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Đối với Hiệu Trưởng**

- Biên soạn, duyệt và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường
- Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.
- Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

### **2. Đối với Phó Hiệu trưởng**

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Phối hợp điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn
- Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.
- Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

### **3. Đối với Tổ chuyên môn**

- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới toàn thể giáo viên

### **4. Đối với giáo viên nhóm lớp**

- Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của nhà trường.
- Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.
- Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

## **VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch điều chỉnh Chương trình giáo dục năm học 2025-2026 của trường mầm non Vĩnh Thực. Đề nghị tất cả giáo viên, nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

***Nơi nhận :***

- UBND xã Vĩnh Thực (b/c);
- Các tổ CM (thực hiện);
- Lưu VT-HSCM.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Thị Thu**